



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

Phụ lục 02

KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI MỘT SỐ
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC PHÍA BẮC NĂM 2023

(Đính kèm Thông báo số ... 54.../TB-NHNN ngày 05/02/2024 của Ngân hàng Nhà nước)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
		NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH HÀ NỘI: 15 chỉ tiêu (05 chỉ tiêu CVHD và thực thi CSTT; 10 chỉ tiêu CV TTGSNH)								
1	CSTT2063	Lê Thị Loan		24-12-1991	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		81	81	Trúng tuyển
2	CSTT2058	Đặng Thùy Linh		24-04-2000	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		77	77	Trúng tuyển
3	CSTT2091	Lê Hồng Thủy		11-01-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		76	76	Trúng tuyển
4	CSTT2066	Nguyễn Đức Mạnh	15-01-2001		CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		74	74	Trúng tuyển
5	CSTT2099	Lê Ngọc Tuấn	18-10-1999		CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		73	73	Trúng tuyển
6	CSTT2095	Ngô Thu Trang		07-09-1993	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		72	72	
7	CSTT2044	Phạm Việt Phương Anh		14-09-1999	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		71	71	
8	CSTT2070	Nguyễn Đình Nam	28-11-1993		CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		71	71	
9	CSTT2064	Chu Thị Ngọc Mai		11-05-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		70	70	
10	CSTT2072	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc		10-12-1998	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		69	69	
11	CSTT2043	Phạm Thị Phương Anh		27-05-2000	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		68	68	
12	CSTT2084	Đặng Thị Thảo		10-09-1987	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		68	68	
13	CSTT2100	Nguyễn Thị Hồng Xoan		11-01-1995	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		68	68	
14	CSTT2078	Bùi Thị Hương Quỳnh		04-05-1996	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		67	67	
15	CSTT2093	Nguyễn Thị Thùy Trâm		09-11-1999	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		67	67	
16	CSTT2098	Trần Phương Trang		30-09-2000	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		67	67	
17	CSTT2041	Dương Quỳnh Anh		23-09-2000	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		66	66	
18	CSTT2061	Trần Phương Linh		14-03-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		66	66	
19	CSTT2047	Nguyễn Thị Thùy Dung		18-12-1987	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		65	65	
20	CSTT2071	Nguyễn Thị Ngọc		12-04-1985	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		65	65	
21	CSTT2088	Đỗ Thị Thu		04-10-1990	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT		65	65	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
22	CSTT2059	Lê Thị Linh		17-10-1990	CN Hà Nội	CVHĐ và thực thi CSTT		64	64	
23	CSTT2050	Lữ Thu Hằng		18-02-1998	CN Hà Nội	CVHĐ và thực thi CSTT		63	63	
24	CSTT2083	Ngô Chí Thành	16-03-1996		CN Hà Nội	CVHĐ và thực thi CSTT		63	63	
25	CSTT2046	Lê Thị Ngọc Ánh		03-07-2000	CN Hà Nội	CVHĐ và thực thi CSTT		62	62	
26	CSTT2056	Trần Hồng Khánh		12-04-2001	CN Hà Nội	CVHĐ và thực thi CSTT		62	62	
27	CSTT2086	Trần Hương Thảo		30-07-2000	CN Hà Nội	CVHĐ và thực thi CSTT		62	62	
28	CSTT2085	Nguyễn Phương Thảo		01-09-2001	CN Hà Nội	CVHĐ và thực thi CSTT				Vắng
29	CSTT2090	Đào Thị Thủy		25-01-2001	CN Hà Nội	CVHĐ và thực thi CSTT	5			Vắng
30	TTGS2633	Đào Thị Thương		08-05-1993	CN Hà Nội	CV TTGSNH		80	80	Trúng tuyển
31	TTGS2403	Nguyễn Tiến Danh	03-04-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH		79	79	Trúng tuyển
32	TTGS2423	Nguyễn Thị Quỳnh Giang		02-12-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH		79	79	Trúng tuyển
33	TTGS2502	Đoàn Thị Ánh Linh		22-12-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH		78	78	Trúng tuyển
34	TTGS2580	Đinh Thị Quỳnh Như		08-01-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH	5	73	78	Trúng tuyển
35	TTGS2529	Nguyễn Thành Long	16-12-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH		76	76	Trúng tuyển
36	TTGS2584	Nguyễn Thị Minh Phương		23-10-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH		75	75	Trúng tuyển
37	TTGS2613	Đỗ Tuấn Thành	21-03-2000		CN Hà Nội	CV TTGSNH		75	75	Trúng tuyển
38	TTGS2464	Lê Thị Thanh Huệ		20-07-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH		74	74	Trúng tuyển
39	TTGS2516	Nguyễn Thảo Linh		13-01-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH		74	74	Trúng tuyển
40	TTGS2514	Nguyễn Phương Linh		20-12-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH		74	73.67	
41	TTGS2585	Nguyễn Thị Minh Phương		02-02-1989	CN Hà Nội	CV TTGSNH		73	73.33	
42	TTGS2623	Hoàng Thị Thắm		14-07-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH		73	73	
43	TTGS2367	Nguyễn Hồng Anh		25-07-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH		72	72	
44	TTGS2396	Phạm Minh Châu		24-03-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH		72	72	
45	TTGS2517	Nguyễn Thị Thùy Linh		15-07-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH		72	72	
46	TTGS2609	Lê Thanh Tùng	02-09-1998		CN Hà Nội	CV TTGSNH		72	72	
47	TTGS2649	Đào Thị Kiều Trinh		22-02-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH		72	72	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
48	TTGS2537	Trần Ngọc Mai		19-09-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH		71	71	
49	TTGS2546	Nguyễn Tuấn Minh		26-08-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH		71	71	
50	TTGS2628	Cao Thị Thanh Thủy		08-05-1988	CN Hà Nội	CV TTGSNH		71	71	
51	TTGS2384	Vũ Phương Anh		24-07-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH		70	70	
52	TTGS2409	Nguyễn Lê Mỹ Dung		02-11-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH		70	70	
53	TTGS2426	Trần Hương Giang		09-05-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH		70	70	
54	TTGS2616	Nguyễn Phương Thảo		21-10-1992	CN Hà Nội	CV TTGSNH		70	70	
55	TTGS2651	Nguyễn Thị Kiều Trinh		09-03-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH		70	70	
56	TTGS2388	Đỗ Ngọc Bích		11-08-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH		69	69	
57	TTGS2392	La Văn Công	25-06-1994		CN Hà Nội	CV TTGSNH		69	69	
58	TTGS2472	Nguyễn Thị Thanh Huyền		10-07-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH		69	69	
59	TTGS2568	Nguyễn Thị Ngọc		10-03-1983	CN Hà Nội	CV TTGSNH	5	64	69	
60	TTGS2369	Nguyễn Khắc Hoàng Anh	03-10-1997		CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
61	TTGS2370	Nguyễn Phương Anh		04-03-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
62	TTGS2402	Vũ Việt Chinh		02-07-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
63	TTGS2404	Nguyễn Hồng Diễm		03-12-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	5	63	68	
64	TTGS2408	Nguyễn Hải Dung		31-03-1987	CN Hà Nội	CV TTGSNH	5	63	68	
65	TTGS2425	Tường Thị Giang		14-04-1990	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
66	TTGS2444	Nguyễn Thu Hằng		31-01-1989	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
67	TTGS2445	Nguyễn Thúy Hằng		16-12-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
68	TTGS2447	Trần Vũ Thúy Hằng		16-09-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH	5	63	68	
69	TTGS2453	Phạm Thị Hiền		03-05-1990	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
70	TTGS2455	Trần Thu Hiền		28-11-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
71	TTGS2474	Nguyễn Thị Thu Huyền		09-11-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH	5	63	68	
72	TTGS2480	Bùi Thị Hương		17-09-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
73	TTGS2484	Nông Thị Liên Hương		13-12-1987	CN Hà Nội	CV TTGSNH	5	63	68	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
74	TTGS2495	Dương Ngọc	Khánh	17-04-1999		CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
75	TTGS2499	Bùi Thị	Liên		14-09-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
76	TTGS2550	Trần Thị Khánh	Ninh		16-09-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
77	TTGS2561	Nguyễn Thị Thúy	Ngân		06-03-1979	CN Hà Nội	CV TTGSNH	5	63	68	
78	TTGS2567	Lê Thúy	Ngọc		14-10-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
79	TTGS2575	Đỗ Thị Hồng	Nhật		20-06-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
80	TTGS2588	Nguyễn Thị Thu	Phương		16-04-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
81	TTGS2602	Trần Thủy	Tiên		16-04-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
82	TTGS2621	Trịnh Phương	Thảo		02-03-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
83	TTGS2634	Dương Thị Thu	Trang		10-02-1993	CN Hà Nội	CV TTGSNH		68	68	
84	TTGS2362	Lê Ngọc	Anh		29-08-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
85	TTGS2376	Nguyễn Thị Vân	Anh		15-07-1987	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
86	TTGS2387	Phạm Ngọc	Ánh		24-11-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
87	TTGS2415	Lê Mỹ	Duyên		22-06-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
88	TTGS2467	Bùi Thị	Huyền		01-12-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
89	TTGS2482	Hoàng Thúy	Hương		21-08-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	5	62	67	
90	TTGS2485	Ngo Quỳnh	Hương		22-09-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
91	TTGS2497	Trần Thị	Lan		01-10-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
92	TTGS2498	Lý Văn	Lanh	05-10-1984		CN Hà Nội	CV TTGSNH	5	62	67	
93	TTGS2500	Bùi Thùy	Linh		08-05-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
94	TTGS2531	Hoàng Thị Quỳnh	Ly		24-03-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
95	TTGS2532	Phạm Vũ Hương	Ly		06-04-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
96	TTGS2541	Thân Thị	Mến		07-8-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
97	TTGS2583	Nguyễn Thị Liên	Phương		25-12-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
98	TTGS2593	Phạm Tiến	Quân	15-06-1988		CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
99	TTGS2606	Nguyễn Ngọc	Tú		25-07-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	

A

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
100	TTGS2617	Nguyễn Thị Thảo		25-03-1992	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
101	TTGS2618	Phạm Thị Thảo		04-02-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
102	TTGS2625	Vũ Tuấn Thiên	07-12-1997		CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
103	TTGS2639	Nguyễn Thị Dung Trang		11-08-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
104	TTGS2650	Khiếu Việt Trinh		16-04-1993	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
105	TTGS2663	Phùng Quốc Việt	22-07-1989		CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
106	TTGS2664	Nguyễn Thị Thanh Xuân		01-02-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH		67	67	
107	TTGS2356	Đặng Thị Phương Anh		26-06-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
108	TTGS2365	Ngô Thị Phương Anh		03-02-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
109	TTGS2390	Trần Thanh Bình	15-09-1998		CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
110	TTGS2400	Trần Khánh Chi		24-03-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
111	TTGS2414	Hoàng Thùy Duyên		22-11-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
112	TTGS2417	Nguyễn Thùy Dương		09-12-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
113	TTGS2424	Tạ Kiều Hương Giang		19-08-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
114	TTGS2429	Lê Thị Thu Hà		11-08-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
115	TTGS2433	Phạm Lê Hà		26-11-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
116	TTGS2439	Nguyễn Văn Hải	18-11-1991		CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
117	TTGS2460	Phạm Xuân Hòa	20-12-1992		CN Hà Nội	CV TTGSNH	5	61	66	
118	TTGS2463	Lưu Thị Bích Hợp		01-03-1984	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
119	TTGS2466	Phạm Thị Huyền		28-09-1985	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
120	TTGS2471	Nguyễn Thanh Huyền		31-12-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
121	TTGS2534	Đoàn Thị Trúc Mai		15-07-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
122	TTGS2545	Nguyễn Tiến Minh	25-11-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
123	TTGS2548	Lưu Thị Trà My		12-01-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
124	TTGS2555	Hoàng Tuyết Ngân		04-12-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
125	TTGS2558	Nguyễn Thị Mai Ngân		03-08-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	

h

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
126	TTGS2560	Phạm Thu	Ngân		01-09-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
127	TTGS2563	Dương Thị Bích	Ngọc		06-09-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
128	TTGS2569	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		02-08-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
129	TTGS2573	Trần Thị Ánh	Nguyệt		05-11-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
130	TTGS2581	Nguyễn Sỹ Hoàng	Phong	03-12-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
131	TTGS2596	Phạm Diễm	Quỳnh		28-02-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
132	TTGS2601	Nguyễn Phạm	Tân	18-09-1999		CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
133	TTGS2608	Hoàng Thanh	Tùng	20-08-1995		CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
134	TTGS2612	Phạm Thị	Tươi		21-12-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
135	TTGS2643	Nguyễn Thùy	Trang		31-05-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
136	TTGS2647	Nguyễn Hà Phương	Trâm		20-11-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
137	TTGS2661	Bùi Đức	Việt	17-04-1996		CN Hà Nội	CV TTGSNH		66	66	
138	TTGS2435	Trần Thị Thu	Hà		19-10-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH		65	65	
139	TTGS2476	Trần Thị Thu	Huyền		23-05-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH		65	65	
140	TTGS2508	Ngô Thị Ngọc	Linh		20-04-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH		65	65	
141	TTGS2539	Đinh Đức	Mạnh	20-06-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH		65	65	
142	TTGS2540	Nguyễn Thị	Mến		19-09-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH		65	65	
143	TTGS2557	Nguyễn Lê Quỳnh	Ngân		09-10-1993	CN Hà Nội	CV TTGSNH		65	65	
144	TTGS2422	Đỗ Hương	Giang		27-03-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH		64	64	
145	TTGS2459	Nguyễn Thị	Hoa		12-01-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH		64	64	
146	TTGS2372	Nguyễn Thị Lan	Anh		21-06-1993	CN Hà Nội	CV TTGSNH		63	63	
147	TTGS2420	Dương Khắc	Đông	15-10-1994		CN Hà Nội	CV TTGSNH		63	63	
148	TTGS2523	Trịnh Khánh	Linh		16-11-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH		63	63	
149	TTGS2371	Nguyễn Thị Lan	Anh		15-08-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH		62	62	
150	TTGS2491	Nguyễn Thị Thu	Hường		15-05-1992	CN Hà Nội	CV TTGSNH		62	62	
151	TTGS2522	Trần Phương	Linh		02-11-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH		62	62	

12

TT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
				Nam	Nữ						
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
152	TTGS2653	Nguyễn Hạ Huệ	Trúc		28-04-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	5.00	57	62	
153	TTGS2509	Ngô Thị Phương	Linh		02-09-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH		60	60	
154	TTGS2518	Nguyễn Vũ Thùy	Linh		17-10-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH		60	60	
155	TTGS2654	Đàm Quang	Trung	14-02-1992		CN Hà Nội	CV TTGSNH		60	60	
156	TTGS2359	Đỗ Thị Minh	Anh		29-08-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
157	TTGS2363	Lê Quỳnh	Anh		12-05-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
158	TTGS2382	Vũ Bảo Quế	Anh		17-09-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
159	TTGS2398	Lê Linh	Chi		03-09-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
160	TTGS2413	Trịnh Trung	Dũng	16-11-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
161	TTGS2451	Nguyễn Thảo	Hiền		19-01-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
162	TTGS2505	Hồ Trần Cẩm	Linh		05-10-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
163	TTGS2511	Nguyễn Hạnh	Linh		13-11-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
164	TTGS2527	Nguyễn Bích	Loan		22-10-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
165	TTGS2536	Phạm Thị Ngọc	Mai		01-01-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
166	TTGS2553	Nguyễn Quỳnh	Nga		19-03-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
167	TTGS2559	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		16-11-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
168	TTGS2570	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		08-02-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
169	TTGS2574	Bế Minh	Nhã		30-8-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH	5			Vắng
170	TTGS2586	Nguyễn Thị Minh	Phương		11-10-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
171	TTGS2600	Dương Đình	Tân	11-03-1992		CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
172	TTGS2605	Hoàng Thị Cẩm	Tú		13-10-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
173	TTGS2627	Phạm Ninh	Thuận		19-09-1992	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
174	TTGS2631	Tô Thị Thanh	Thúy		06-03-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng
175	TTGS2635	Đỗ Huyền	Trang		18-12-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH				Vắng

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=8+9	11
NHNN CHI NHÁNH BẮC NINH: 02 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS2081	Hoàng Thúy An		15-07-1999	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH		83	83	Trúng tuyển
2	TTGS2097	Nguyễn Anh Phương		31-08-2001	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH		81	81	Trúng tuyển
3	TTGS2105	Hoàng Thị Việt Trinh		09-07-1998	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH		78	78	
4	TTGS2085	Trần Mai Anh		11-11-1993	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH		73	73	
5	TTGS2087	Nguyễn Thị Thùy Dung		17-04-1998	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH		71	71	
6	TTGS2084	Nguyễn Thị Lan Anh		14-01-2001	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH		70	70	
7	TTGS2096	Lê Huệ Phương		22-10-1994	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH		70	70	
8	TTGS2106	Đinh Thị Tường		02-08-1998	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH		69	69	
9	TTGS2093	Nguyễn Hồng Nhung		12-10-2001	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH		68	68	
10	TTGS2108	Đặng Thị Hải Yến		25-12-2000	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH		67	67	
11	TTGS2088	Nguyễn Thị Ninh Giang		09-10-2000	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH				Vắng
12	TTGS2089	Nguyễn Trà Giang		19-12-2000	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH				Vắng
13	TTGS2092	Phạm Minh Nhật	03-04-1997		CN Bắc Ninh	CV TTGSNH				Vắng
14	TTGS2103	Trần Thị Thanh Trà		28-10-1994	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH				Vắng
NHNN CHI NHÁNH CAO BẰNG: 02 chỉ tiêu (01 chỉ tiêu CVHĐ và thực thi CSTT; 01 chỉ tiêu CV TTGSNH)										
1	CSTT2179	Bùi Đức Hoàng	16-12-1989		CN Cao Bằng	CVHĐ và thực thi CSTT	5	75	80	Trúng tuyển
2	CSTT2175	Nguyễn Sĩ Chuyên	10-11-1990		CN Cao Bằng	CVHĐ và thực thi CSTT	5	73	78	
3	CSTT2176	Hoàng Thị Bích Diệu		27-01-1994	CN Cao Bằng	CVHĐ và thực thi CSTT	5	70	75	
4	CSTT2180	Triệu Thanh Loan		26-11-1992	CN Cao Bằng	CVHĐ và thực thi CSTT	5	65	70	
5	TTGS2046	Nguyễn Nông Lan Hương		09-6-1999	CN Cao Bằng	CV TTGSNH	5	75	80	Trúng tuyển
6	TTGS2041	Nguyễn Khánh Hiệp	3-12-2000		CN Cao Bằng	CV TTGSNH	5	74	79	
7	TTGS2052	Lô Kiều Vi		07-04-2000	CN Cao Bằng	CV TTGSNH	5	71	76	
8	TTGS2049	Hoàng Huy Thông	13-02-1997		CN Cao Bằng	CV TTGSNH	5	70	75	
9	TTGS2048	Lý Thu Thảo		13-10-1994	CN Cao Bằng	CV TTGSNH	5	66	71	
NHNN CHI NHÁNH ĐIỆN BIÊN: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS2080	Phạm Khôi Nguyên	05-12-2001		CN Điện Biên	CV TTGSNH		80	80	Trúng tuyển
2	TTGS2078	Nguyễn Thu Hương		25-12-2000	CN Điện Biên	CV TTGSNH		74	74	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
NHNN CHI NHÁNH HÀ NAM: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS2252	Trịnh Trung Dũng	16-11-2001		CN Hà Nam	CV TTGSNH		75	75	Trúng tuyển
2	TTGS2255	Vũ Thị Thùy Linh		13-09-1997	CN Hà Nam	CV TTGSNH		72	72	
3	TTGS2259	Vi Hương Thơm		06-09-1995	CN Hà Nam	CV TTGSNH	5	66	71	
4	TTGS2250	Hoàng Thị Ánh		17-02-1999	CN Hà Nam	CV TTGSNH		65	65	
NHNN CHI NHÁNH HÀ GIANG: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS2121	Nguyễn Hồng Thái	19-04-1996		CN Hà Giang	CV TTGSNH		80	80	Trúng tuyển
2	TTGS2115	Trần Diễm Hương		14-01-1992	CN Hà Giang	CV TTGSNH		78	78	
3	TTGS2110	Nông Bích Diệp		20-08-2000	CN Hà Giang	CV TTGSNH	5	71	76	
4	TTGS2117	Đổng Kim Ngân		12-05-2001	CN Hà Giang	CV TTGSNH	5	69	74	
5	TTGS2111	Đỗ Tất Duy	10-03-2000		CN Hà Giang	CV TTGSNH	5	65	70	
6	TTGS2118	Mai Thị Nhi		20-12-1993	CN Hà Giang	CV TTGSNH		70	70	
7	TTGS2120	Triệu Thu Phương		01-11-2000	CN Hà Giang	CV TTGSNH	5	65	70	
8	TTGS2124	Trần Mai Vân		02-01-2001	CN Hà Giang	CV TTGSNH		69	69	
9	TTGS2114	Phạm Thu Hương		06-09-1986	CN Hà Giang	CV TTGSNH		65	65	
NHNN CHI NHÁNH HÀ TĨNH: 01 chỉ tiêu CVHĐ và thực thi CSTT										
1	CSTT2153	Ngô Thị Nguyệt		10-11-1995	CN Hà Tĩnh	CVHĐ và thực thi CSTT		78	78	Trúng tuyển
1	CSTT2145	Hoàng Thị Tú Anh		28-08-1997	CN Hà Tĩnh	CVHĐ và thực thi CSTT		75	75	
6	CSTT2155	Trần Thị Tổ Uyên		08-07-1999	CN Hà Tĩnh	CVHĐ và thực thi CSTT	5	68	73	
4	CSTT2152	Trần Thị Thùy Linh		20-04-1999	CN Hà Tĩnh	CVHĐ và thực thi CSTT		71	71	
3	CSTT2150	Phan Thị Khánh Huyền		06-03-1997	CN Hà Tĩnh	CVHĐ và thực thi CSTT		69	69	
2	CSTT2147	Nguyễn Thị Thu Hà		18-11-1997	CN Hà Tĩnh	CVHĐ và thực thi CSTT		67	67	
NHNN CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS2696	Tăng Sơn Lộc	16-08-1998		CN Hải Dương	CV TTGSNH		76	76	Trúng tuyển
2	TTGS2700	Trịnh Đức Thái	12-08-1990		CN Hải Dương	CV TTGSNH		75	75	
3	TTGS2695	Dương Thị Thu Hương		21-02-2001	CN Hải Dương	CV TTGSNH		73	73	
4	TTGS2699	Ngô Thị Thu Quỳnh		15-09-1993	CN Hải Dương	CV TTGSNH		72	72	
5	TTGS2702	Đặng Thị Thu Thúy		20-07-2000	CN Hải Dương	CV TTGSNH		71	71	
6	TTGS2704	Hà Thị Vân		09-02-1996	CN Hải Dương	CV TTGSNH		70	70	



Handwritten signature or mark.

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
7	TTGS2705	Nguyễn Thị Ngọc Yến		22-11-1997	CN Hải Dương	CV TTGSNH		66	66	
8	TTGS2694	Đặng Việt Hùng	18-05-1997		CN Hải Dương	CV TTGSNH		65	65	
NHNN CHI NHÁNH HẢI PHÒNG: 04 chỉ tiêu (02 chỉ tiêu CVHD và thực thi CSTT; 02 chỉ tiêu CV TTGSNH)										
1	CSTT2193	Đồng Thị Bích Ngân		09-12-1995	CN Hải Phòng	CVHD và thực thi CSTT		88	88	Trúng tuyển
2	CSTT2192	Phan Vũ Nhật Linh		22-09-1998	CN Hải Phòng	CVHD và thực thi CSTT		82	82	Trúng tuyển
3	CSTT2186	Lê Quỳnh Chi		14-10-1996	CN Hải Phòng	CVHD và thực thi CSTT		80	80	
4	CSTT2191	Đỗ Thị Thu Huyền		04-01-1994	CN Hải Phòng	CVHD và thực thi CSTT				Vắng
5	TTGS2667	Lê Quỳnh Chi		14-10-1996	CN Hải Phòng	CV TTGSNH		82	82	Trúng tuyển
6	TTGS2689	Nguyễn Thị Thu Trang		26-03-1987	CN Hải Phòng	CV TTGSNH		80	80	Trúng tuyển
7	TTGS2671	Đào Quế Hằng		24-11-1995	CN Hải Phòng	CV TTGSNH		78	78	
8	TTGS2692	Trần Thị Cẩm Tú		21-01-1988	CN Hải Phòng	CV TTGSNH		76	76	
9	TTGS2686	Trương Thị Bích Ngọc		07-02-1987	CN Hải Phòng	CV TTGSNH		75	75	
10	TTGS2681	Trần Diệu Linh		06-09-1993	CN Hải Phòng	CV TTGSNH		74	74	
11	TTGS2687	Đỗ Thục Sương		20-01-1999	CN Hải Phòng	CV TTGSNH		73	73	
12	TTGS2684	Trần Thị Nga		28-01-1990	CN Hải Phòng	CV TTGSNH		72	72	
13	TTGS2688	Nguyễn Hồng Trang		13-11-1998	CN Hải Phòng	CV TTGSNH		72	72	
14	TTGS2674	Nguyễn Trung Hiếu	11-07-1992		CN Hải Phòng	CV TTGSNH		71	71	
15	TTGS2675	Quách Minh Hiếu	25-02-1998		CN Hải Phòng	CV TTGSNH		71	71	
16	TTGS2668	Trần Tiến Đạt	25-01-1999		CN Hải Phòng	CV TTGSNH		70	70	
17	TTGS2670	Lê Thị Hồng Hà		02-10-1997	CN Hải Phòng	CV TTGSNH		65	65	
18	TTGS2679	Nguyễn Văn Khải	30-07-1991		CN Hải Phòng	CV TTGSNH		60	60	
19	TTGS2678	Hoàng Trọng Huy	24-12-2001		CN Hải Phòng	CV TTGSNH				Vắng
20	TTGS2680	Phan Vũ Nhật Linh		22-09-1998	CN Hải Phòng	CV TTGSNH				Không phỏng vấn
21	TTGS2685	Nguyễn Minh Ngọc		22-12-1998	CN Hải Phòng	CV TTGSNH				Vắng
NHNN CHI NHÁNH HÒA BÌNH: 03 chỉ tiêu (01 chỉ tiêu CVHD và thực thi CSTT; 02 chỉ tiêu CV TTGSNH)										
1	CSTT2037	Bùi Hiền Mai		12-08-2001	CN Hòa Bình	CVHD và thực thi CSTT	5	68	73	Trúng tuyển
2	TTGS2202	Phạm Thúy Anh		04-10-1992	CN Hòa Bình	CV TTGSNH		80	80	Trúng tuyển
3	TTGS2203	Trịnh Mạnh Cường	08-02-1997		CN Hòa Bình	CV TTGSNH		76	76	Trúng tuyển
4	TTGS2216	Nguyễn Thị Hồng Nhung		02-10-1992	CN Hòa Bình	CV TTGSNH		74	74	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
5	TTGS2209	Phạm Thu Huyền		05-12-1997	CN Hòa Bình	CV TTGSNH		73	73	
6	TTGS2211	Hoàng Thị Thanh Lam		09-01-1995	CN Hòa Bình	CV TTGSNH		71	71	
7	TTGS2214	Hoàng Hồng Nhung		26-02-1995	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	5	66	71	
8	TTGS2204	Bùi Thị Linh Chi		16-02-1999	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	5	65	70	
9	TTGS2210	Vũ Thị Thúy Kiều		03-7-1997	CN Hòa Bình	CV TTGSNH		69	69	
10	TTGS2212	Vũ Thị Diệu Linh		15-08-1999	CN Hòa Bình	CV TTGSNH		67	67	
11	TTGS2208	Bùi Thu Hằng		17-02-1997	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	5	60	65	
12	TTGS2217	Nguyễn Thị Hồng Nhung		06-01-1998	CN Hòa Bình	CV TTGSNH		63	63	
13	TTGS2220	Nguyễn Thị Phương Thảo		29-07-2001	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	5	55	60	
14	TTGS2206	Bùi Thị Giang		17-09-1992	CN Hòa Bình	CV TTGSNH	5	50	55	
NHNN CHI NHÁNH HƯNG YÊN: 02 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS2136	Nguyễn Thị Diệu Ngọc		11-11-1997	CN Hưng Yên	CV TTGSNH		79	79	Trúng tuyển
2	TTGS2145	Nguyễn Đức Trọng	02-01-2000		CN Hưng Yên	CV TTGSNH		77	77	Trúng tuyển
3	TTGS2138	Đào Đức Phú	16-10-1995		CN Hưng Yên	CV TTGSNH		74	74	
4	TTGS2141	Vũ Đức Thắng	08-8-1990		CN Hưng Yên	CV TTGSNH		73	73	
5	TTGS2144	Trần Phương Trang		30-9-2000	CN Hưng Yên	CV TTGSNH		72	72	
6	TTGS2148	Nguyễn Văn Tùng	05-7-1990		CN Hưng Yên	CV TTGSNH		72	72	
7	TTGS2142	Vũ Minh Thu		23-10-1996	CN Hưng Yên	CV TTGSNH		71	71	
8	TTGS2140	Nguyễn Thị Sinh		09-5-1992	CN Hưng Yên	CV TTGSNH		70	70	
9	TTGS2146	Đỗ Thanh Tú	13-11-1990		CN Hưng Yên	CV TTGSNH		68	68	
10	TTGS2135	Tạ Thị Thùy Ngân		29-7-1997	CN Hưng Yên	CV TTGSNH		67	67	
11	TTGS2131	Vũ Thị Thanh Huyền		03-4-1999	CN Hưng Yên	CV TTGSNH		66	66	
12	TTGS2127	Trần Thị Phương Anh		25-7-1997	CN Hưng Yên	CV TTGSNH				Vắng
NHNN CHI NHÁNH LAI CHÂU: 01 chỉ tiêu CVHĐ và thực thi CSTT										
1	CSTT2105	Nguyễn Thanh Tùng	26-12-1991		CN Lai Châu	CVHĐ và thực thi CSTT		70	70	Trúng tuyển
NHNN CHI NHÁNH LẠNG SƠN: 02 chỉ tiêu (01 chỉ tiêu CVHĐ và thực thi CSTT; 01 chỉ tiêu CV TTGSNH)										
1	CSTT2033	Đỗ Thị Nguyệt Minh		16-12-2001	CN Lạng Sơn	CVHĐ và thực thi CSTT	5	75	80	Trúng tuyển
2	CSTT2034	Trần Thị Thu Phương		27-8-1999	CN Lạng Sơn	CVHĐ và thực thi CSTT	5	71	76	
3	CSTT2032	Nhữ Thị Thùy Chi		01-7-2000	CN Lạng Sơn	CVHĐ và thực thi CSTT	5	66	71	

Handwritten mark: *N*

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
4	CSTT2035	Nguyễn Quang Trung	26-9-1996		CN Lạng Sơn	CVHD và thực thi CSTT		64	64	
5	TTGS2158	Nguyễn Hữu Phước	17-8-2000		CN Lạng Sơn	CV TTGSNH		78	78	Trúng tuyển
6	TTGS2154	Trương Mỹ Hạnh		18-3-1989	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	5	70	75	
7	TTGS2153	Triệu Quỳnh Giao		24-10-2000	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	5	67	72	
8	TTGS2156	Hoàng Ngọc Linh		09-01-1998	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	5	65	70	
9	TTGS2157	Nguyễn Khánh Ly		14-11-1995	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	5	65	70	
10	TTGS2159	Hà Diễm Quỳnh		17-12-2001	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	5	64	69	
11	TTGS2160	Hoàng Thị Quỳnh		10-8-1998	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	5	63	68	
12	TTGS2161	Kiều Hồng Sơn	11-9-1996		CN Lạng Sơn	CV TTGSNH		68	68	
13	TTGS2151	Trịnh Thị Phương Anh		17-10-2001	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	5	60	65	
14	TTGS2162	Chu Thị Diệu Thu		22-12-1985	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	5	60	65	
NHNN CHI NHÁNH LÀO CAI: 01 chỉ tiêu CVHD và thực thi CSTT										
1	CSTT2001	Nguyễn Thị Mai Anh		12-02-1998	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT		78	78	Trúng tuyển
2	CSTT2004	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		18-02-1987	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT	5	67	72	
3	CSTT2010	Trương Thị Thu Huyền		12-11-1991	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT		71	71	
4	CSTT2007	Đỗ Lê Hương		06-12-2000	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT		70	70	
5	CSTT2002	Lê Việt Anh		12-12-1994	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT		68	68	
6	CSTT2008	Phạm Thị Thu Hương		05-11-1998	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT		68	68	
7	CSTT2005	Lê Thanh Nga		06-03-1996	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT		65	65	
NHNN CHI NHÁNH NAM ĐỊNH: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS2706	Hà Phương Anh		19-7-2001	CN Nam Định	CV TTGSNH		80	80	Trúng tuyển
2	TTGS2707	Đoàn Thanh Dung		21-02-2001	CN Nam Định	CV TTGSNH				Vắng
NHNN CHI NHÁNH NINH BÌNH: 02 chỉ tiêu CVHD và thực thi CSTT										
1	CSTT2116	Bùi Thủy Anh		07-10-2001	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT		83	83	Trúng tuyển
2	CSTT2139	Cao Xuân Thanh Thảo		27-10-1991	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT		80	80	Trúng tuyển
3	CSTT2140	Lê Thu Thảo		31-12-1999	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT		75	75	
4	CSTT2117	Dương Văn Lan Anh		03-10-1991	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT		74	74	
5	CSTT2122	Phạm Thái Hà	27-05-1996		CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT		73	73	
6	CSTT2120	Trịnh Thị Kim Dung		23-09-1996	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT		71	71	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
7	CSTT2128	Nguyễn Như Quỳnh Mai		01-01-2001	CN Ninh Bình	CVHĐ và thực thi CSTT		71	71	
8	CSTT2118	Nguyễn Thị Anh		12-11-2000	CN Ninh Bình	CVHĐ và thực thi CSTT		70	70	
9	CSTT2121	Vũ Hoàng Duy	17-10-1999		CN Ninh Bình	CVHĐ và thực thi CSTT		70	70	
10	CSTT2125	Bùi Khánh Linh		17-10-2001	CN Ninh Bình	CVHĐ và thực thi CSTT		70	70	
11	CSTT2136	Phạm Thị Phượng		29-11-1992	CN Ninh Bình	CVHĐ và thực thi CSTT		70	70	
12	CSTT2124	Lã Thu Huyền		08-07-1996	CN Ninh Bình	CVHĐ và thực thi CSTT		69	69	
13	CSTT2135	Phạm Thị Hà Phương		20-08-2001	CN Ninh Bình	CVHĐ và thực thi CSTT		69	69	
14	CSTT2143	Vũ Thị Thanh Vân		09-02-2001	CN Ninh Bình	CVHĐ và thực thi CSTT		69	69	
15	CSTT2132	Vũ Thị Ngọc		03-11-1992	CN Ninh Bình	CVHĐ và thực thi CSTT		68	68	
16	CSTT2133	Bùi Minh Nguyệt		29-05-2001	CN Ninh Bình	CVHĐ và thực thi CSTT		67	67	
NHNN CHI NHÁNH NGHỆ AN: 02 chỉ tiêu (01 chỉ tiêu CVHĐ và thực thi CSTT; 01 chỉ tiêu CV TTGSNH)										
1	CSTT2108	Chế Minh Hiếu	24-12-1997		CN Nghệ An	CVHĐ và thực thi CSTT		80	80	Trúng tuyển
2	CSTT2113	Nguyễn Diệu Thủy		12-11-2001	CN Nghệ An	CVHĐ và thực thi CSTT		76	76	
3	CSTT2114	Phan Nguyễn Ngọc Thủy		30-4-1988	CN Nghệ An	CVHĐ và thực thi CSTT		73	73	
4	CSTT2115	Đình Thị Huyền Vy		24-5-1993	CN Nghệ An	CVHĐ và thực thi CSTT		72	72	
5	CSTT2112	Trần Mai Phương		15-10-2001	CN Nghệ An	CVHĐ và thực thi CSTT		71	71	
6	CSTT2111	Trần Thị Phương Ngân		18-6-2001	CN Nghệ An	CVHĐ và thực thi CSTT		70	70	
7	TTGS2198	Dương Thị Minh Thư		03-02-2000	CN Nghệ An	CV TTGSNH		78	78	Trúng tuyển
8	TTGS2189	Nguyễn Hữu Hoàng	12-06-1998		CN Nghệ An	CV TTGSNH		75	75	
9	TTGS2191	Phan Thị Hồng Ngọc		12-12-1992	CN Nghệ An	CV TTGSNH	5	69	74	
10	TTGS2197	Hoàng Anh Thơ		28-01-2001	CN Nghệ An	CV TTGSNH		71	71	
11	TTGS2200	Trần Việt Tiến	03-9-1995		CN Nghệ An	CV TTGSNH	2.5	67	69.5	
12	TTGS2194	Phan Thị Mai Phương		02-8-1997	CN Nghệ An	CV TTGSNH		69	69	
13	TTGS2201	Nguyễn Thị Trang		21-03-1992	CN Nghệ An	CV TTGSNH		67	67	
NHNN CHI NHÁNH PHÚ THỌ: 02 chỉ tiêu CVHĐ và thực thi CSTT										
1	CSTT2165	Nguyễn Bích Loan		22-10-1998	CN Phú Thọ	CVHĐ và thực thi CSTT		80	80	Trúng tuyển
2	CSTT2173	Trương Thị Thu Trang		11-11-2001	CN Phú Thọ	CVHĐ và thực thi CSTT		76	76	Trúng tuyển
3	CSTT2170	Bùi Thị Bích Phương		04-02-1993	CN Phú Thọ	CVHĐ và thực thi CSTT		73	73	
4	CSTT2156	Đào Đức Anh	28-02-1994		CN Phú Thọ	CVHĐ và thực thi CSTT		71	71	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phông vốn	Tổng điểm	Ghi chú
5	CSTT2162	Nguyễn Thị Thanh Huyền		19-07-1998	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT		68	68	
6	CSTT2163	Lưu Thùy Linh		13-09-2001	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT		61	61	
7	CSTT2167	Nguyễn Hoàng Ngọc Mai		22-06-2001	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT		59	59	
8	CSTT2171	Lê Thị Lan Phương		20-01-2001	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT		57	57	
9	CSTT2169	Nguyễn Bích Ngọc		25-12-1998	CN Phú Thọ	CVHD và thực thi CSTT				Vắng
NHNN CHI NHÁNH QUẢNG NINH: 02 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS2225	Phạm Minh Anh		01-12-1997	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH		80	80	Trúng tuyển
2	TTGS2239	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		13-09-2000	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH		78	78	Trúng tuyển
3	TTGS2242	Nguyễn Tất Thành	26/01/1991		CN Quảng Ninh	CV TTGSNH		75	75	
4	TTGS2231	Vũ Trung Hiếu	24-09-2001		CN Quảng Ninh	CV TTGSNH		73	73	
5	TTGS2233	Ninh Thị Hương		27-10-2001	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	5	66	71	
6	TTGS2243	Nguyễn Thái Thảo		20-08-1999	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH		71	71	
7	TTGS2246	Lưu Thị Thùy Trang		10-09-1995	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH		71	71	
8	TTGS2227	Hà Ngọc Diệp		07-03-1998	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH		70	70	
9	TTGS2238	Bùi Thị Thanh Mai		06-01-1991	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH		70	70	
10	TTGS2244	Trần Thanh Thảo		24-05-2000	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH		70	70	
11	TTGS2240	Vũ Thúy Ngọc		12-12-1997	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH		69	69	
12	TTGS2224	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		05-02-1999	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH		67	67	
13	TTGS2234	Đặng Thị Bích Hương		26-05-1997	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH		63	63	
NHNN CHI NHÁNH SƠN LA: 03 chỉ tiêu (01 chỉ tiêu CVHD và thực thi CSTT; 02 chỉ tiêu CV TTGSNH)										
1	CSTT2183	Đinh Đức Minh	27-10-1998		CN Sơn La	CVHD và thực thi CSTT	5	70	75	Trúng tuyển
2	CSTT2184	Trương Thị Hải Vân		21-12-2001	CN Sơn La	CVHD và thực thi CSTT		68	68	
3	CSTT2182	Phan Thanh Huyền		14-11-1995	CN Sơn La	CVHD và thực thi CSTT		62	62	
4	TTGS2002	Cù Quang Anh	30-9-1999		CN Sơn La	CV TTGSNH		76	76	Trúng tuyển
5	TTGS2009	Bồ Thị Hòa		01-7-1997	CN Sơn La	CV TTGSNH	5	70	75	Trúng tuyển
6	TTGS2006	Mê Thị Hồng Hạnh		07-6-1995	CN Sơn La	CV TTGSNH	5	68	73	
7	TTGS2003	Quảng Tuấn Diệp	30-6-2001		CN Sơn La	CV TTGSNH	5	67	72	
8	TTGS2015	Phùng Thị Hồng Nhung		20-8-2001	CN Sơn La	CV TTGSNH		69	69	
9	TTGS2027	Bùi Đức Trung	16-8-1996		CN Sơn La	CV TTGSNH		69	69	

VIẾT

11

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
10	TTGS2001	Đoàn Mai	Anh		14-10-1996	CN Sơn La	CV TTGSNH		68	68	
11	TTGS2017	Lưu Diễm	Quỳnh		06-7-2001	CN Sơn La	CV TTGSNH		68	68	
12	TTGS2005	Đoàn Thị Thanh	Hải		09-09-1991	CN Sơn La	CV TTGSNH		67	67	
13	TTGS2013	Phạm Bảo	Ly		13-11-2001	CN Sơn La	CV TTGSNH		67	67	
14	TTGS2022	Đỗ Đức	Toàn	31-8-1993		CN Sơn La	CV TTGSNH		65	65	
15	TTGS2023	Chu Thị	Trang		25-10-1991	CN Sơn La	CV TTGSNH		65	65	
16	TTGS2026	Lưu Thục	Trình		09-10-1998	CN Sơn La	CV TTGSNH		64	64	
17	TTGS2029	Lò Thu	Uyên		26-02-2001	CN Sơn La	CV TTGSNH	5	59	64	
18	TTGS2016	Cà Thị	Phân		03-4-1998	CN Sơn La	CV TTGSNH	5	57	62	
		NHNN CHI NHÁNH TUYỂN QUANG: 01 chỉ tiêu CV TTGSNH									
1	TTGS2036	Nguyễn Duy	Khánh	08-01-1999		CN Tuyển Quang	CV TTGSNH		68	68	Trúng tuyển
2	TTGS2039	Trịnh Huyền	Trang		23-07-1998	CN Tuyển Quang	CV TTGSNH		62	62	
3	TTGS2035	Văn Thị Khánh	Huyền		21-04-2000	CN Tuyển Quang	CV TTGSNH	5			Vắng
		NHNN CHI NHÁNH THANH HÓA: 03 chỉ tiêu (01 chỉ tiêu CVHĐ và thực thi CSTT; 02 chỉ tiêu CV TTGSNH)									
1	CSTT2029	Lại Đức	Lộc	29/10/1997		CN Thanh Hóa	CVHĐ và thực thi CSTT		76	76	Trúng tuyển
2	CSTT2028	Trần Thị	Linh		13/12/1995	CN Thanh Hóa	CVHĐ và thực thi CSTT		68	68	
3	CSTT2026	Đào Hồng	Hạnh		13/6/1998	CN Thanh Hóa	CVHĐ và thực thi CSTT				Vắng
4	TTGS2341	Vũ Xuân	Thái	29-09-1993		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		80	80	Trúng tuyển
5	TTGS2303	Mai Đình	Tâm	12/10/1999		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		75	75	Trúng tuyển
6	TTGS2345	Trịnh Thu	Thảo		29/5/1996	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		74	74	
7	TTGS2315	Nguyễn Thị	Hà		19/7/1995	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		72	72	
8	TTGS2323	Phạm Thị	Hoan		25/11/1999	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		71	71	
9	TTGS2316	Lê Nguyễn Thúy	Hà		09/11/2001	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		70	70	
10	TTGS2342	Hà Thái	Thanh		14/5/1987	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		70	70	
11	TTGS2313	Phạm Thị Nguyệt	Hà		02/01/1998	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		69	69	
12	TTGS2326	Lê Quang	Huy	28/12/1997		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		69	69	
13	TTGS2340	Trịnh Anh	Pháp	12/02/1989		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	5	64	69	
14	TTGS2349	Nguyễn Ngọc	Tiến	24/11/1994		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		69	69	
15	TTGS2314	Trần Việt	Hà		24/8/2001	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		68	68	

u

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
16	TTGS2348	Nguyễn Thị Thùy		14-06-1990	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	5	63	68	
17	TTGS2304	Tào Thị Quỳnh Anh		07/3/1998	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		67	67	
18	TTGS2338	Trần Văn Ngọc	24/10/1997		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		67	67	
19	TTGS2334	Đào Thanh Mai		06-12-1999	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		66	66	
20	TTGS2310	Lương Thùy Dung		08/8/2000	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		65	65	
21	TTGS2311	Nguyễn Thị Hương Giang		17/12/2000	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		65	65	
22	TTGS2352	Hoàng Hồng Văn		10/09/1998	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH	5	60	65	
23	TTGS2333	Lê Hương Ly		23/10/2001	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		64	64	
24	TTGS2330	Lê Thị Linh		27/7/1997	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		63	63	
25	TTGS2354	Nguyễn Thị Xuân		05/6/1997	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		63	63	
26	TTGS2343	Ngô Lê Thành	12/9/1997		CN Thanh Hóa	CV TTGSNH		62	62	
27	TTGS2329	Lê Thùy Linh		18/7/2001	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH				Vắng
28	TTGS2350	Tạ Nguyễn Trang		07/10/2000	CN Thanh Hóa	CV TTGSNH				Vắng
HNHN CHI NHÁNH THÁI BÌNH: 03 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS2284	Trịnh Thị Hồng Nga		24-01-1991	CN Thái Bình	CV TTGSNH		82	82	Trúng tuyển
2	TTGS2298	Dương Thị Thu Trang		12-9-1988	CN Thái Bình	CV TTGSNH		80	80	Trúng tuyển
3	TTGS2296	Bùi Thị Minh Thu		05-02-1997	CN Thái Bình	CV TTGSNH		79	79	Trúng tuyển
4	TTGS2265	Nguyễn Thị Hà		01-10-1989	CN Thái Bình	CV TTGSNH	5	73	78	
5	TTGS2278	Phạm Thị Huyền		07-12-1996	CN Thái Bình	CV TTGSNH		77	77	
6	TTGS2295	Đỗ Thị Phương Thảo		08-12-1994	CN Thái Bình	CV TTGSNH		76	76	
7	TTGS2300	Phí Thị Thùy Trang		07-12-1998	CN Thái Bình	CV TTGSNH		75	75	
8	TTGS2283	Nguyễn Thị Thanh Nga		02-02-1997	CN Thái Bình	CV TTGSNH		74	74	
9	TTGS2272	Nguyễn Thị Thu Hương		12-12-1996	CN Thái Bình	CV TTGSNH		72	72	
10	TTGS2297	Phan Vũ Anh Thư		14-11-2001	CN Thái Bình	CV TTGSNH		71	71	
11	TTGS2279	Phạm Quang Lâm	01-02-2000		CN Thái Bình	CV TTGSNH		70	70	
12	TTGS2273	Nguyễn Thu Hương		21-11-1995	CN Thái Bình	CV TTGSNH		69	69	
13	TTGS2280	Phạm Nguyễn Diệu Linh		28-11-2000	CN Thái Bình	CV TTGSNH		69	69	
14	TTGS2263	Nguyễn Thành Đạt	15-9-1999		CN Thái Bình	CV TTGSNH		68	68	
15	TTGS2267	Triệu Minh Hằng		17-3-2000	CN Thái Bình	CV TTGSNH		68	68	

h

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
16	TTGS2261	Trần Lan Anh		11-4-1997	CN Thái Bình	CV TTGSNH		65	65	
17	TTGS2260	Phạm Thị Phương Anh		08-3-2000	CN Thái Bình	CV TTGSNH		64	64	
18	TTGS2281	Nguyễn Thị Loan		25-12-1988	CN Thái Bình	CV TTGSNH	5	58	63	
19	TTGS2286	Đặng Thị Hoàng Ngân		17-11-1988	CN Thái Bình	CV TTGSNH		62	62	
20	TTGS2288	Phạm Thị Ánh Nhật		02-9-1998	CN Thái Bình	CV TTGSNH		61	61	
21	TTGS2274	Nguyễn Thu Hương		27-3-1996	CN Thái Bình	CV TTGSNH		60	60	
NHNN CHI NHÁNH YÊN BÁI: 05 chỉ tiêu (02 chỉ tiêu CVHĐ và thực thi CSTT; 03 chỉ tiêu CV TTGSNH)										
1	CSTT2020	Lê Ngọc Huyền		06/03/2000	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT		78	78	Trúng tuyển
2	CSTT2016	Phạm Minh Châu		25/09/2000	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT		74	74	Trúng tuyển
3	CSTT2022	Nguyễn Thu Tháo		29/04/1989	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT		69	69	
4	CSTT2024	Giảng Seo Toán	15/01/1996		CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT	5	61	66	
5	CSTT2014	Lê Hải Anh		11/11/1995	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT		61	61	
6	CSTT2017	Lê Mai Huệ		14/09/1992	CN Yên Bái	CVHĐ và thực thi CSTT	5	55	60	
7	TTGS2063	Nguyễn Khánh Linh		23/11/2000	CN Yên Bái	CV TTGSNH		76	76	Trúng tuyển
8	TTGS2059	Lê Anh Đức	09/01/2000		CN Yên Bái	CV TTGSNH		74	74	Trúng tuyển
9	TTGS2075	Vũ Thanh Tùng	08/01/2000		CN Yên Bái	CV TTGSNH		72	72	Trúng tuyển
10	TTGS2058	Bùi Quốc Đại	07/08/1993		CN Yên Bái	CV TTGSNH		71	71	
11	TTGS2056	Đinh Ngọc Ánh		23/08/1995	CN Yên Bái	CV TTGSNH		69	69	
12	TTGS2074	Nguyễn Thị Kiều Trinh		09/05/2000	CN Yên Bái	CV TTGSNH	5	64	69	
13	TTGS2061	Vương Minh Hiếu	05/02/1999		CN Yên Bái	CV TTGSNH	5	55	60	
NHNN CHI NHÁNH VINH PHÚC: 02 chỉ tiêu CV TTGSNH										
1	TTGS2185	Hoàng Lê Tùng	24-06-1991		CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH		85	85	Trúng tuyển
2	TTGS2166	Lê Phúc Biêng	22-04-1991		CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH	5	75	80	Trúng tuyển
3	TTGS2186	Phạm Thị Ngọc Yến		30-08-1998	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH		72	72	
4	TTGS2181	Trần Thị Tính		12-08-1992	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH		70	70	
5	TTGS2170	Vì Việt Hà		5/2/1994	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH		69	69	
6	TTGS2169	Nguyễn Thị Dung		16-11-1995	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH		67	67	
7	TTGS2180	Hoàng Thị Mai Tháo		22-03-1995	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH	5	60	65	
8	TTGS2175	Nguyễn Thị Trà Mi		10/3/2000	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH		64	64	
9	TTGS2168	Vũ Hồng Linh Chi		14-05-2001	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH				Vắng